TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2017/HSST.
Ngày 19- 12- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Minh.

2. Ông Giàng A Dao.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lý A Hờ- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: Ông Nông Văn Phong - Kiểm sát viên .

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Đàm Trì Q- Sinh năm 1985 tại huyện T; thành phố H; nơi ĐKNKTT; Thôn 4, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Đàm Trì L- (Đã chết) và bà Bùi Thị M- Sinh năm 1957; Vợ là: Phạm Thị L- Sinh năm 1988; bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2017. Có mặt.

Người bị hại: Anh Lù A C- Sinh năm 1980; trú tại: bản P, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Giàng A T- Sinh năm 1981; trú tại: bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đàm Trì Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chiều ngày 20/9/2017 Đàm Trì Q đi xe máy vào nhà Lù A C để xin trấu về trồng rau, đến nơi gia đình C không có người ở nhà. Q nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà C, để trộm cắp tài sản. Q đi qua vườn rau đàng sau nhà, trèo qua khe hở đầu ván lịa vào trong nhà, Q vào phòng ngủ của anh C mở tủ nhựa thấy

mấy đồng tiền lẻ, Q lấy tiền cho vào túi quần, rồi đến mở cái tủ gỗ nhưng khóa nên đi ra ngoài lấy con dao nhọn bên ngoài bếp mang vào cậy phá, mở được tủ thấy có cái ví, Q mở ví lấy tiền rồi để ví lại như cũ, quay ra thấy cái túi màu đen để trên bàn, Q mở túi thấy có máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Q lấy cái máy tính đi ra cửa sau, ra ngoài lấy cái bao tải đựng máy tính, rồi đi xe máy về nhà. Q bỏ tiền đã trộm cắp ra đếm được 1.400.000 đồng, để máy tính vào trong tủ quần áo. Mấy ngày sau vợ Q là Phạm Thị L dọn nhà thấy máy tính, hỏi thì Q nói của bạn gửi mấy hôm. Đến ngày 25/9/2017 Q mang máy tính ra khu vực chợ N bán nhưng không ai mua, sau đó Q mang máy tính đến nhà Giàng A T ở bản L, xã L cầm cố được 1.000.000 đồng, số tiền này và cả tiền trộm cắp được Q đã chi tiêu hết.

Đến ngày 28/9/2017 tại trạm Công an khu vực Ngã Ba Kim, Giàng A T đã giao nộp chiếc máy tính cho cơ quan điều tra Công an huyện Mù Cang Chải .

Tại kết luận định giá tài sản số: 11/KL- HĐ ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mù Cang Chải kết luận:

- 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS X 44H màu đen, màn hình 14 icnh HĐ đã cũ qua sử dụng. có trị giá là: 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng).*

Tại bản cáo trạng số: 38/ KSĐT ngày 24 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái truy tố Đàm Trì Quang về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Trì Quang từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Đàm Trì Q không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Đàm Trì Q phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật hình sự nghiêm cấm nhưng do vụ lợi vẫn cố ý thực hiện, nên đã có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 20/9/2017 Đàm Trì Q đã đột nhập vào nhà Lù A C trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay trị giá 2.100.000 đồng và 1.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Đàm Trì Q trộm cắp của anh Lù A C là 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm tăm nghìn đồng).* Hành vi của

bị cáo đã phạm tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là một trong những quyền cơ bản được Hiến pháp và pháp luật hình sự của nhà nước ghi nhận, bảo vệ. Hành vi phạm tội mà bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, đã kịp thời thu giữ trả lại cho chủ sở hữu, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng là người nghiện ma túy. Chỉ vì muốn có tiền để mua ma túy để sử nên đã dấn thân vào con đường phạm tội.

Với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như trên, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lao động, sống có ích cho xã hội. Đồng thời cũng đảm bảo việc giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng, điều kiện để thi hành, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự*:* Người bị hại là anh Lù A C đã nhận được tài sản (01 máy tính xách tay của mình) của mình. Tuy nhiên anh C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mất là 2.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận số tiền đã trộm cắp của anh Câu là 1.400.000 đồng, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bị cáo đã trộm cắp 2.000.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại 1.400.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A T dã nhận cầm cố máy tính là 1.000.000 đồng. Nhưng anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về xử lý vật chứng:

Vật chứng là 01 chiếc xe máy màu sơn đen, biển kiểm soát 21B1- 214.13 và 01 đăng ký xe máy số 023771, mang tiên Vàng Thị P là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cần trả lại cho bị cáo.

Đối với Giàng A T là người đã nhận cầm cố chiếc máy tính của bị cáo, nhưng anh T không biết máy tính do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý trước pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đàm Trì Q phạm tội "***Trộm cắp tài sản".***

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đàm Trì Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 05/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đàm Trì Q bồi thường cho người bị hại Lù A C 1.400.000 đồng *(Một triệu bốn trăm nghìn đồng*);

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc xe máy PROMTKOREA màu sơn đen xám, biển kiểm soát 21B1- 214.13, số máy: VTT39JIP52FMHO17691, số khung: RRKWCH2UMÃG17691 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 023771, mang tên Vàng Thị P.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Bị cáo Đàm Trì Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Yên Bái;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái*
- *VKSND huyện MCC;*
- *Công an huyện MCC(02 bản;)*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người CQLNVLQ;*
- *THA phạt tù (03);*
- *Luu HS(2), tiểu HS, TA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tòng Văn Quân